

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 30/3/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan;

2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thu Trúc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08/02/2023 về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 301/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tú T, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư Nguyễn Văn D – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bùi Văn S, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Tú T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị Tú T trình bày: Chị và anh S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào tháng 09/2019 tại Ủy ban nhân

dân xã L. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa tháng 09/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S chửi bới nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống. Anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Trần Anh H, sinh ngày 18/12/2020. Khi nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án huyện M thì chị đang nuôi con. Đến ngày 07/11/2022 thì anh S bắt con mang đi đến nay. Chị có đến thăm con nhiều lần nhưng gia đình chồng không cho gặp mặt con. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Bị đơn anh Bùi Văn S trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 09/2022, khoảng 03 giờ sáng anh chạy xe tải đến 08 giờ 20 phút về nhà không thấy vợ con ở nhà rồi vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý do còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm 301/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tú T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 12/12/2022, chị Trần Thị Tú T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cương quyết xin ly hôn, anh S có đơn xin vắng mặt. Hai bên đương sự không thỏa thuận được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T trình bày: Quan hệ hôn nhân của anh chị mặc dù trên cơ sở tự nguyện nhưng khi đó chị T mới đủ 18

tuổi, nhận thức về quan hệ hôn nhân chưa đầy đủ, hơn nữa do chưa tìm hiểu kỹ nên trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, anh S thường hay chửi bới và đe dọa nếu chị T bỏ trốn nên mâu thuẫn của vợ chồng chị T đã trầm trọng không thể sống chung được nữa. Về con: Sau khi anh S mang con đi chị T đã nhiều lần đến thăm con nhưng gia đình anh S không cho gặp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và buộc anh S giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Tú T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn S nên xác định quan hệ tranh chấp: “Xin ly hôn” theo qui định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh S có đơn xin vắng mặt với lý do bận công việc. Xét thấy, anh S đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt của anh S không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án nên tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo qui định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh chị tiến tới hôn nhân vào tháng 9 năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, Tiền Giang. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do khi kết hôn chưa có sự tìm hiểu nên vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp dẫn đến tranh cãi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn cương quyết xin ly hôn, còn anh S không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với vợ.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị chưa đến mức trầm trọng, có khả năng hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị T cho rằng anh S thường hay đe dọa, đánh đập chị nhưng anh S thì không thừa nhận, chị T không có gì để chứng minh. Cấp sơ thẩm đã xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và hoàn cảnh gia đình

của anh chị, nhưng địa phương trả lời không nắm rõ sự việc của gia đình. Hơn nữa con của anh chị còn rất nhỏ, cần có đầy đủ tình yêu thương của cha lẫn mẹ, cần thiết cho anh S có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và nuôi dạy con nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên cấp sơ thẩm không giải quyết về con chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Xét lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Tú T.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 301/2022/HNGĐ-ST ngày 01/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tú T.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010359 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong án phí sơ thẩm.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010715 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện M;
- CC THADS huyện M;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ